TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2025/HC-PT
Ngày 16-01-2025
V/v: "Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Ông Trần Ngọc Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Phạm Thị Thanh Tuyết – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 755/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3726/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955. Có mặt.

Địa chỉ: Số D, đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đinh Tiến D, sinh năm 1957; địa chỉ: Số B, đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 5 năm 2023). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Danh L, là Luật sư của Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nguyễn thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ trụ sở: Số H, đường L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hoàng Vũ T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Trọng T1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 12973/UBND-VP, ngày 27 tháng 11 năm 2024). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Thanh S, là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt.

- Bà Hoàng Thị Thanh N – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V. Có mặt.

- Ông Cao Văn T2 - Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Uyên U, sinh năm 1983. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Đinh Tiến D, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số B, đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

3.2. Bà Đàm Thị H1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số A, đường H, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số C, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Trung T4, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số C, đường H, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị Ánh T5, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số F, đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3.6. Ông Đinh Xuân H2, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số H, đường C, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.7. Bà Võ Thị Kim D1, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số E, đường N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vắng mặt.

3.8. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số E, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.9. Ông Đinh Đức C, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số A, đường N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

3.10. Ông Vũ Ngọc T6, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số C, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.11. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số A, đường H, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.12. Ông Ngô Văn N1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số A, đường N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.13. Bà Võ Thị Kim T7, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số A, đường L, Phường I, Quận I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3.14. Bà Nguyễn Thị Duy A, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số E, đường K, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

3.15. Ông Đinh Văn T8, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số A, đường C, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

3.16. Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1;

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Ông Bùi Ngọc T9, chức vụ: Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền của công ty: Ông Lý Quang V. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, Bản án sơ thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 13/10/2011, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 4774/QĐ-UBND về việc thu hồi 23.893,2 m^2 đất tại Phường A, thành phố V do bà Nguyễn Thị H đang sử dụng để thực hiện công trình Khu D, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 01/11/2011, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5115/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thu hồi đất: Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình: Khu D, Phường A, thành phố V; với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 63.225.500 đồng, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất.

Không đồng ý với Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V, ngày 01/11/2011 bà H làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố V và ngày 16/12/2011, bà H tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố V về việc yêu cầu UBND thành phố V giải quyết khiếu nại buộc phải bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất bị thu hồi 23.893,2m^2 tại Phường A, thành phố V do bà Nguyễn Thị H đang sử dụng để thực hiện công trình Khu D, Phường A, thành phố V. Việc nộp đơn khiếu nại của bà H đã được UBND thành phố V thừa nhận tại Văn bản số 1845/UBND-TTr ngày 25/3/2021 của UBND thành phố V.

Từ suốt thời gian đó đến nay, UBND thành phố V tiến hành xác minh về nguồn gốc đất và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc sử dụng đất hợp pháp của bà H, nhưng vẫn không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Bà Hoàng liên T10 làm đơn yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định giải quyết khiếu nại nhưng sau khi có kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy Vũng Tàu, của Thanh tra thành phố V đều xác định diện tích đất 23.893,2m^2 tại Phường A, thành phố V do bà Nguyễn Thị H đang sử dụng để thực hiện công trình Khu D, Phường A, thành phố V là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà H, đủ điều kiện để bồi thường, nhưng Chủ tịch UBND thành phố V vẫn không trả lời khiếu nại cho bà H.

Cụ thể mới nhất là:

Ngày 25/3/2021, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành văn bản số 1845/UBND.TTr về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H xác định toàn bộ diện tích đất 23.893,2 m2 tại Phường A, thành phố V do bà Nguyễn Thị H đang sử dụng để thực hiện công trình Khu D, Phường A, thành phố V là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà H, đủ điều kiện để bồi thường.

Ngày 11/7/2022, Bí thư Thành ủy V1 ban hành Thông báo số 1022 của Ban Thường vụ Thành ủy tại cuộc họp ngày 06/7/2022 giao cho Thanh tra thành phố V rà soát lại và làm rõ một số nội dung liên quan đến quá trình sử dụng đất của bà H và các loại giấy tờ gốc.

Ngày 17/8/2022, Thanh tra thành phố V ban hành báo cáo số 535/BC-TTr gửi Ủy ban nhân dân thành phố V.

Ngày 20/10/2022, UBND thành phố V ban hành văn bản số 9400/UBND-VP gửi Thanh tra thành phố V về việc giải quyết đơn của công dân trước ngày 25/10/2022.

Ngày 04/11/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh B gửi đơn khiếu nại của bà đến UBND thành phố V để giải quyết.

Như vậy, việc kéo dài thời gian khiếu nại hàng chục năm nhưng nội dung giải quyết khiếu nại vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Việc chưa ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố V là vi phạm quy định của pháp luật, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Do đó, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Tuyên bố hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố V theo đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H khiếu nại Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất bị thu hồi 23.893,2 m² tại Phường A, thành phố V do bà Nguyễn Thị H đang sử dụng để thực hiện công trình Khu D, Phường A, thành phố V là trái pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND thành phố V phải ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật.

Đến ngày 28/8/2023, bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện bổ sung với những nội dung sau đây:

- Huỷ một phần Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thu hồi đất: Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình: Khu D, Phường A, thành phố V về phần không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 23.893,2m² tại Phường A, thành phố V cho bà Nguyễn Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ sở bà H khởi kiện hủy Quyết định số 5115/QĐ-UBND và buộc UBND thành phố V ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 23.893,2m² tại Phường A, thành phố V là vì: Diện tích đất thu hồi 23.893,2m^2 có nguồn gốc do ông Trương B khai phá năm 1975, được Phòng Quản lý nhà đất thị xã V xác nhận đã đăng ký đất tại công văn số 17/PQLNĐ/VT ngày 01/02/1976, với diện tích 11.000m^2. Ngày 02/4/1978, ông Trương B chuyển nhượng bằng giấy tay cho bà Nguyễn Thị H với diện tích 26.000m^2 (gồm 11.000m^2 đã được Phòng Quản lý nhà đất xác nhận và 15.000m^2 do ông Trương B khai phá thêm). Năm 1993, bà H đã tiến hành đăng ký kê khai ruộng đất tại U, với diện tích đăng ký sử dụng là 26.000 m^2 thuộc thửa 45, tờ bản đồ số 24. Bà Hoàng Đ thuế sử dụng đất vào mục đích nông nghiệp từ năm

1991 đến năm 2009 và là người trực tiếp sử dụng đất từ năm 1978 cho đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất. Đối chiếu với quy định của pháp luật, thì diện tích đất thu hồi 23.893,2 m^2 đủ điều kiện để được bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H rút yêu cầu buộc Chủ tịch UBND thành phố V phải ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật, vì hiện nay, bà H đã yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V trình bày:

- Về nguồn gốc sử dụng đất:

Diện tích đất thu hồi 23.893,2m^2 có nguồn gốc do ông Trương B khai phá năm 1975, được Phòng Quản lý nhà đất thị xã V xác nhận đã đăng ký đất tại Công văn số 17/PQLNĐ/VT/P.Thắng ngày 01/02/1976, với diện tích 11.000m^2. Ngày 02/4/1978, ông Trương B chuyển nhượng bằng giấy tay cho bà Nguyễn Thị H với diện tích 26.000m^2 (gồm 11.000m^2 đã được Phòng Quản lý nhà đất xác nhận và 15.000m^2 do ông Trương B khai phá thêm).

Diện tích thu hồi 23.893,2m^2 gồm các thửa: 52A2 + 54 + 55 + 56 + 57/1 + 59/4, tờ bản đồ thu hồi đất ứng với thửa 45 (cũ), tờ bản đồ địa chính Phường 10 số 24 (cũ), cụ thể:

+ Phần diện tích 11.000m^2: được Phòng Quản lý nhà đất thị xã V xác nhận đã đăng ký đất tại Công văn số 17/PQLNĐ/VT/P.Thắng ngày 01/02/1976, nhưng con dấu là của Ban Quản lý nhà cửa thành phố V1. Như vậy, là đã có sự khác biệt giữa cơ quan ban hành văn bản với con dấu của cơ quan xác nhận văn bản (cơ quan ban hành văn bản là Phòng Quản lý Nhà đất thị xã V, trong khi đó con dấu cơ quan ký xác nhận lại là Ban Quản lý nhà cửa thành phố V1). Vấn đề này là chưa hợp lý do thành phố V thành lập từ ngày 12/8/1991. Mặt khác, phần diện tích đất này nằm chồng lấn với đất trồng rừng theo bản đồ thiết kế trồng rừng năm 1985. Như vậy, cùng một lúc thửa đất có sự trùng lặp về đối tượng sử dụng và có sự mâu thuẫn về cơ quan ban hành văn bản và con dấu xác nhận văn bản ghi trong giấy xác nhận đã đăng ký đất.

+ Phần diện tích khai phá thêm là 9.002,2m^2: Về cơ sở pháp lý không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất; diện tích này nằm chồng lấn với đất trồng rừng theo bản đồ thiết kế trồng rừng năm 1985.

+ Phần diện tích 3.891,0m^2 (phần diện tích này bà H không tranh chấp với ông T11 bà S1): do ông (bà) Huỳnh Văn T11 – Nguyễn Thị S1 đang sử dụng không có giấy tờ chứng minh và chồng lấn với đất trồng rừng theo bản đồ thiết kế trồng rừng năm 1985.

- Quá trình thu hồi, bồi thường:

Thực hiện Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 25/9/2009 của UBND tỉnh B về việc thu hồi 228.786,8m^2 đất tại Phường A, Phường A, thành phố V để đầu tư xây dựng: Khu D. UBND thành phố V đã chỉ đạo các cơ quan liên quan

tiến hành công tác bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân, đơn vị của dự án theo quy định. Theo đó:

+ Ngày 13/10/2011, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4774/QĐ-UBND về việc thu hồi 23.893,2m^2 đất tại Phường A, thành phố V do bà Nguyễn Thị H đang sử dụng để thực hiện công trình Khu D, Phường A, thành phố V.

+ Ngày 01/11/2011, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5115/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường cho bà Nguyễn Thị H, với nội dung thu hồi 23.893,2m^2 nhưng không bồi thường đất, chỉ bồi thường hoa màu cây trái; tổng kinh phí bồi thường 63.225.500 đồng (sáu mươi ba triệu, hai trăm hai mươi lăm ngàn, năm trăm đồng).

- Quá trình giải quyết khiếu nại:

Bà Nguyễn Thị H khiếu nại Quyết định số 4774/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 và Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND thành phố V; UBND Thành phố đã giao Thanh tra thành phố V tham mưu giải quyết. Do đây là vụ việc phức tạp, giấy tờ mâu thuẫn nên cần có thời gian để các cơ quan thu thập hồ sơ, tổ chức xác minh và UBND thành phố đã có báo cáo xin ý kiến Ban V1. Ngày 11/7/2022, Ban Thường vụ Thành ủy có Thông báo số 1022-TB/TU về kết luận cuộc họp ngày 06/7/2022 và ngày 15/7/2022, UBND thành phố đã có Văn bản số 6236/UBND-VP giao Thanh tra thành phố chủ trì, phối hợp với Phòng T, Phòng Tư pháp, Trung tâm P, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, U và các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất và tham mưu UBND thành phố thực hiện Thông báo số 1022-TB/TU ngày 11/7/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy.

Nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị H hiện đang được Thanh tra thành phố V và các cơ quan chuyên môn của UBND thành phố tổ chức rà soát, xác minh để tham mưu UBND thành phố giải quyết theo quy định. Do vậy, việc bà H khởi kiện hành vi không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố V là không có cơ sở.

- Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà H:

Bà H khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND thành phố V và buộc UBND thành phố V phải ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 23.893,2m^2 tại Phường A, thành phố V cho bà Nguyễn Thị H theo đúng quy định của pháp luật thì UBND thành phố V có ý kiến như sau:

Căn cứ tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định:

"Điều 116: Thời hiệu khởi kiện.

2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc".

Như vậy, thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H đã hết. Do đó, việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện bổ sung yêu cầu như trên là không có cơ sở để giải quyết.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Trung T4, bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Văn G, bà Võ Thị Kim D1, bà Đàm Thị H1, bà Võ Thị Kim T7, bà Nguyễn Thị Ánh T5, ông Đinh Đức C, ông Đinh Xuân H2, ông Ngô Văn N1, ông Đinh Văn T8, ông Vũ Ngọc T6 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 23.893,2m^2 này do ông Trương B khai phá từ năm 1975 và đến năm 1978 thì ông B chuyển nhượng lại cho bà H bằng giấy tay. Năm 2001, bà H chuyển nhượng lại diện tích 13.033m^2 cho ông Đinh Tiến D, sau đó năm 2002 ông D làm giấy tay chuyển nhượng lại cho bà D1 1.600m^2, bà H1 1.000m^2, bà T7 800m^2, bà T5 800m^2, ông C 1.000m^2, ông H2 1.067m^2, ông N1 1.000m^2, ông T8 1.000m^2, ông T6 1.000m^2, ông G 1.000 m^2, bà H3 766 m^2, ông T4 1.000 m^2, ông T12 1.000 m^2. Khi bà H chuyển nhượng cho ông D thì có đưa cho ông D các giấy tờ chứng minh về nguồn gốc đất, đến khi ông D chuyển nhượng lại cho bà D1, bà H1, bà T7, bà T5, ông C, ông H2, ông N1, ông T8, ông T6, ông G, ông T4, bà H3, ông T3 thì có đưa cho các ông, bà này xem: Giấy sang tay đất của ông Trương B cho bà H vào ngày 02/4/1978 và đơn xin xác nhận của ông Trương B ngày 01/6/1993 có xác nhận của U. Hiện nay diện tích đất này nằm trong dự án Khu D và đã bị thu hồi, giải tỏa từ năm 2011. Khi thu hồi bà D1, bà H1, bà T7, bà T5, ông C, ông H2, ông N1, ông T8, ông T6, ông G, ông T4, bà H3, ông T3 không nhận được quyết định thu hồi hay phê duyệt kinh phí bồi thường. Do thửa đất vẫn đứng tên bà H và bà H đang trực tiếp sử dụng đất nên bà D1, bà H1, bà T7, bà T5, ông C, ông H2, ông N1, ông T8, ông T6, ông G, ông T4, bà H3, ông T3 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và không có bất cứ yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà D1, bà H1, bà T7, bà T5, ông C, ông H2, ông N1, ông T8, ông T6, ông G, ông T4, bà H3, ông T3 đồng ý để bà H nhận toàn bộ tiền bồi thường do thu hồi đất, trường hợp phát sinh vấn đề gì về việc chuyển nhượng giữa bà D1, bà H1, bà T7, bà T5, ông C, ông H2, ông N1, ông T8, ông T6 với bà H, ông D nếu có thì các ông, bà sẽ khởi kiện trong một vụ án dân sự khác.

- Bà Nguyễn Thị Duy A, ông Đinh Tiến D trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 23.893,2m^2 này do ông Trương B khai phá từ năm 1975 và đến năm 1978 thì ông B chuyển nhượng lại cho bà H bằng giấy tay. Năm 2001, bà H chuyển nhượng lại bằng giấy tay cho bà A 1.000m^2, ông D 13.800m^2 (ông D đã chuyển nhượng bằng giấy tay lại cho bà D1 1.600m^2, bà H1 1.000m^2, bà T7 800m^2, bà T5 800m^2, ông C 1.000m^2, ông H2 1.067m^2, ông N1 1.000m^2, ông T8 1.000m^2, ông T6 1.000m^2, ông G 1.000 m^2, bà H3 766 m^2, ông T4 1.000 m^2, ông T3 1.000 m^2). Khi ông B chuyển nhượng cho bà H thì có đưa cho bà H các giấy tờ chứng minh về nguồn gốc đất, đến khi bà H chuyển nhượng lại cho bà A, ông D thì có đưa cho bà A, ông D xem: Giấy sang tay đất của ông Trương B cho bà H vào ngày 02/4/1978 và đơn xin xác nhận của ông

Trương B ngày 01/6/1993 có xác nhận của U. Hiện nay diện tích đất này nằm trong dự án Khu D và đã bị thu hồi, giải tỏa từ năm 2011. Khi thu hồi bà A, ông D không nhận được quyết định thu hồi hay phê duyệt kinh phí bồi thường. Do thửa đất vẫn đứng tên bà H và bà H đang trực tiếp sử dụng đất nên bà A, ông D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và không có bất cứ yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà A, ông D đồng ý để bà H nhận toàn bộ tiền bồi thường do thu hồi đất, trường hợp phát sinh vấn đề gì về việc chuyển nhượng giữa bà A, ông D với bà H thì bà A, ông D sẽ khởi kiện trong một vụ án dân sự khác.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn A1 trình bày:

Công ty là chủ đầu tư thực hiện dự án Khu D, nên kinh phí chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân có đất bị thu hồi (trong đó có bà Nguyễn Thị H) do Công ty chi trả. Trong quá trình thực hiện thương lượng với các hộ dân thì Công ty được biết: diện tích đất bị thu hồi của bà H không đủ điều kiện để được bồi thường do là đất Nhà nước quản lý. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà H thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST, ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H;

- Tuyên bố hành vi không giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đối với đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H về việc khiếu nại quyết định hành chính số Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V trong thời hạn pháp luật quy định là hành vi trái pháp luật.

- Hủy một phần Quyết định số 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị H, địa chỉ thu hồi đất: Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình: Khu D, phường A, phường A, thành phố V; cụ thể hủy Mục A/ Không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất (đối với diện tích đất thu hồi 23.893,2 m^2 tại phường A, thành phố V do bà Nguyễn Thị H đang sử dụng).

- Buộc UBND thành phố V phải ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã thu hồi 23.893 m^2 để thực hiện công trình khu D, Phường A, thành phố V 23.893,2 m^2 tại Phường A, thành phố V cho bà Nguyễn Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc Chủ tịch UBND thành phố V phải ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân tỉnh B có Đơn kháng cáo nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử không thỏa đáng, đề nghị xét xử phúc thẩm lại theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với án này vì thời hiệu khởi kiện đã hết. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không đúng quy định pháp luật, chưa đảm bảo tính khách quan; có mâu thuẫn về nguồn gốc đất mà ông Trương B bán cho bà H, mâu thuẫn về thời gian và liên quan đến đất rừng của Nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận nội dung khởi kiện của người khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất với trình bày của người bị kiện, bổ sung về nội dung vụ án có các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ như Sổ đăng ký, Sổ địa chính, những giấy tờ, xác nhận của chính quyền địa phương thời bấy giờ có dấu hiệu giả mạo nhưng chưa giám định, làm rõ. Mặt khác, quyết định không bồi thường cho bà H là có căn cứ, những giấy tờ về nguồn gốc đất mà Ủy ban cung cấp thì vị trí đất thuộc Phường A, thành phố V nhưng những giấy tờ xác nhận cho bà H thuộc Phường A là có mâu thuẫn nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày tranh luận: Về quá trình sử dụng đất của bà H là chuyển nhượng từ ông Trương B, sử dụng liên tục, không có tranh chấp và đã được ghi nhận vào Sổ mục kê; có các chứng cứ là các loại giấy tờ xác định đất không chồng chéo vào đất rừng, đất do Nhà nước quản lý nên bà đủ điều kiện để được nhận tiền bồi thường về đất. Việc bà H không kịp thời khởi kiện tại Tòa án là do người dân không am hiểu pháp luật, cứ phải chờ giải quyết khiếu nại mới khởi kiện được. Tuy nhiên theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và của Thanh tra Chính phủ thì bà H vẫn còn thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn là không đúng quy định của Luật Khiếu nại và Luật Tố tụng hành chính vì thời hiệu khởi kiện đã hết. Người bị kiện kháng cáo là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, hủy Bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 6 năm 2024, người bị kiện UBND thành phố V làm Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của người bị kiện đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử: Huỷ một phần Quyết định số: 5115/QĐ-UBND, ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thu hồi đất: Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình: Khu D, Phường A, thành phố V về phần không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất. Đồng thời buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 23.893,2m² tại Phường A, thành phố V cho bà Nguyễn Thị H theo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, quyết định trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước thể hiện hành vi hành chính mà người khởi kiện cho rằng không thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ mà người bị kiện phải thực hiện. Hành vi, quyết định hành chính này thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là "Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính của Nhà nước về quản lý đất đai".

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp và tiến hành thụ lý giải quyết mà Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính và thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có ông Đinh Tiến D, ông Đinh Đức C, bà Nguyễn Thị Duy A có mặt, còn lại đều vắng mặt, ông Lý Quang V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự vắng mặt đều đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, không có kháng cáo. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của người bị kiện:

[4.1] Ngày 01/11/2011, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số: 5115/QĐ-UBND về việc Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H. Sau đó trong tháng 11/2011, bà H làm đơn khiếu nại. Ngày 06/12/2011, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành văn bản số: 3394/QĐ-UBND, về việc thụ lý đơn khiếu nại. Đến ngày 15/4/2023, bà H làm đơn khởi

kiện hành vi không ban hành giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân thành phố V. Ngày 28/8/2023, bà H có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số: 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011.

[4.2] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án số: 97/2023/TLST-HC, ngày 26/4/2023. Ngày 18/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số: 5848/QĐ-UBND về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Lý do: Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà H.

[4.3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về thời hiệu khởi kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã thụ lý giải quyết đơn khiếu nại Quyết định số: 5115/QĐ-UBND ngày 01/11/2011, nhưng chưa ban hành giải quyết khiếu nại và đến ngày 18/9/2023 thì đình chỉ giải quyết khiếu nại của bà H, với lý do Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà H. *Do đó, khoảng thời gian từ ngày 06/12/2011 (ngày Ủy ban nhân dân thành phố V thụ lý đơn khiếu nại) đến ngày 18/9/2023 (ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định đình chỉ giải quyết đơn khiếu nại) không tính vào thời hiệu khởi kiện*. Vì vậy vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4.4] Xét thấy nhận định về thời hiệu khởi kiện của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thời hiệu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là còn thời hiệu khởi kiện là không đúng. Bởi vì, từ khi người bị kiện ban hành Quyết định số: 5115/QĐ-UBND, ngày 01/11/2011 đến ngày 18/4/2023, bà Nguyễn Thị H làm đơn khởi kiện (theo Giấy xác nhận đơn số 96/GXN-TA của Tòa án) về hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu hủy Quyết định số: 5115/QĐ-UBND, ngày 01/11/2011 thì người bị kiện chưa ban hành giải quyết khiếu nại.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Khiếu nại về Trình tự khiếu nại: "*Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.*".

Theo quy định tại Điều 28 của Luật Khiếu nại về Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu: "*Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý".*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Khiếu nại về Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính: "*Hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 của Luật này mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính".*

Căn cứ theo quy định nêu trên. Ngày 06/12/2011, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Văn bản số: 3394/QĐ-UBND, về việc thụ lý đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Nếu UBND thành phố V không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại thì đến hết ngày 06/02/2012, bà H có quyền làm đơn khởi kiện vụ án hành chính theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính về Thời hiệu khởi kiện:

1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

3. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:

...

b) 01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại. ...".

Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu để bà H khởi kiện về hành vi hành chính và quyết định hành chính nêu trên là đến hết ngày 06/02/2013. Nhưng đến ngày 15/4/2023 (ngày 18/4/2023 Tòa án nhận được đơn khởi kiện, là sau hơn 10 năm) bà H mới khởi kiện thì thời hiệu để khởi kiện đã hết, bà H đã mất quyền khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định trừ thời gian từ ngày 06/12/2011 đến ngày 18/9/2023 không tính vào thời hiệu khởi kiện là không chính xác.

[5] Như vậy, khi nhận, biết được Quyết định số: 5115/QĐ-UBND, ngày 01/11/2011 thì trong tháng 11/2011, bà H thực hiện quyền khiếu nại nhưng cơ quan Nhà nước chưa ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho đến ngày 18/4/2023 bà mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Mặc dù trong Đơn khởi kiện bà H cho rằng nhận được Văn bản số 1845/UBND-TTr ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà. Hội đồng xét xử xét thấy, văn bản nêu trên là của Ủy ban nhân dân thành phố V gửi Ban Thường vụ thành ủy Vũng Tàu để báo cáo quá trình xem xét giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Đây là văn bản mang tính báo cáo, trao đổi nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước, không phải quyết định giải quyết khiếu nại. Mặc khác, trong hồ sơ còn thể hiện có các văn bản của cơ quan Nhà nước tại thành phố V chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại của bà nhưng đây chỉ là những văn bản mang tính chỉ đạo, báo cáo trong nội bộ của các cơ quan này và chưa có quyết định chính thức giải quyết khiếu nại của bà.

[6] Vì thời hiệu khởi kiện đã hết nên bà Nguyễn Thị H không có quyền khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 5115/QĐ-UBND, ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V cũng như hành vi không giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân thành phố V đối với bà Nguyễn Thị H. Đáng lẽ, Tòa án cấp sơ

thẩm phải trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện hoặc đã thụ lý thì căn cứ điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án; trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ cho đương sự nếu có yêu cầu.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án này. Quan điểm của kiểm sát viên tại tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Do thời hiệu khởi kiện đã hết nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung các quyết định đã ban hành của UBND thành phố V đối với bà Nguyễn Thị H.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V. Hủy bản án hành chính sơ thẩm số: 49/2024/HC-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đình chỉ giải quyết vụ án.

[9] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi có đơn xin được miễn án phí, đã được xét không đóng tiền tạm ứng án phí nên không phải trả lại cho bà.

[10] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người bị kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng khoản 1 Điều 7; Điều 28; khoản 1, khoản 3 Điều 33 của Luật Khiếu nại; điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 49/2024/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi có đơn xin được miễn án phí, đã được xét không đóng tiền tạm ứng án phí nên không phải trả lại cho bà.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Không ai phải chịu. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được nhận lại số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0000566 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồ Tâm Tú